



Công ty Cổ phần Đồ hộp Ha Long và

các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho
giải đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số 0200344752 ngày 5 tháng 3 năm 1999

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200344752 ngày 19 tháng 5 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị	Phạm Hữu Quý Lâm Bùi Quốc Hưng Lâm Hồng Thanh Nguyễn Văn Bình Mai Xuân Phong	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Wilson Cheah Hui Pin Nguyễn Văn Bình	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 71 Lê Lai Quận Ngô Quyền Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến 39 được lập và trình bày nhằm phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Phạm mắt Ban Giám đốc

Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, ngày 15 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 39. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-113-b



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a- DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		78.714.631.880	161.088.676.949
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	8.308.180.444	8.717.100.540
Tiền	111		8.308.180.444	8.717.100.540
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	1.851.527.700	1.770.688.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.952.080.000	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(4.100.552.300)	(4.181.392.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	14.557.224.823	35.918.997.299
Phải thu khách hàng	131		12.322.252.860	34.349.795.038
Trả trước cho người bán	132		1.675.112.965	1.349.548.878
Các khoản phải thu khác	135		7.297.908.450	7.057.680.476
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.738.049.452)	(6.838.027.093)
Hàng tồn kho	140	8	52.150.994.863	112.543.301.529
Hàng tồn kho	141		53.140.585.136	114.146.476.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(989.590.273)	(1.603.174.608)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.846.704.050	2.138.589.581
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.107.778.059	236.016.258
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.725.164	567.464.358
Tài sản ngắn hạn khác	158		697.200.827	1.335.108.965
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		59.658.265.049	67.305.170.124
Tài sản cố định	220		59.202.537.377	66.745.812.286
Tài sản cố định hữu hình	221	9	45.093.596.107	52.790.633.040
Nguyên giá	222		120.502.961.148	135.731.703.456
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.409.365.041)	(82.941.070.416)
Tài sản cố định vô hình	227	10	12.532.172.202	12.532.172.202
Nguyên giá	228		12.532.172.202	12.532.172.202
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.576.769.068	1.423.007.044
Tài sản dài hạn khác	260		455.727.672	559.357.838
Chi phí trả trước dài hạn	261		410.727.672	514.357.838
Tài sản dài hạn khác	268		45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		138.372.896.929	228.393.847.073

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a- DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		43.347.595.114	126.280.229.772
Nợ ngắn hạn	310		43.076.309.399	123.236.944.057
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	2.217.256.041	63.614.558.604
Phải trả người bán	312		7.346.357.513	15.679.608.393
Người mua trả tiền trước	313		235.469.751	1.893.943.457
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.079.535.900	14.559.213.550
Phải trả người lao động	315		9.803.667.060	9.754.811.990
Chi phí phải trả	316	16	7.245.080.589	6.113.989.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	1.202.481.952	3.142.232.081
Dự phòng phải trả	320	18	5.458.254.250	5.458.254.250
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	2.488.206.343	3.020.331.757
Vay và nợ dài hạn	330		271.285.715	3.043.285.715
Phải trả dài hạn khác	333		271.285.715	271.285.715
Vay và nợ dài hạn	334	20	-	2.772.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		95.025.301.815	102.113.617.301
Vốn chủ sở hữu	410	21	95.025.301.815	102.113.617.301
Vốn cổ phần	411	22	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.753.387.350	15.753.387.350
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	12.232.663.256	11.301.501.805
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	10.858.646.025	10.674.230.924
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.180.605.184	14.384.497.222
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		138.372.896.929	228.393.847.073

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tiền tệ	30/6/2013	31/12/2012
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	2.396.601.988	2.396.601.988
Ngoại tệ bằng USD	USD	2.899	3.819

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	25	318.369.503.415	322.903.277.551
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	906.724.388	1.075.601.955
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	317.462.779.027	321.827.675.596
Giá vốn hàng bán	11	26	259.546.990.663	260.707.262.375
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		57.915.788.364	61.120.413.221
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	158.055.893	177.758.898
Chi phí tài chính	22	28	3.953.031.844	5.783.413.096
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.657.593.836	6.099.275.166
Chi phí bán hàng	24		29.479.177.332	26.573.581.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.427.933.472	18.699.731.767
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.213.701.609	10.241.445.325
Thu nhập khác	31		741.371.008	463.040.850
Chi phí khác	32		109.455.868	540.648.850
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		631.915.140	(77.608.000)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.845.616.749	10.163.837.325
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	839.273.035	3.161.291.077
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.006.343.714	7.002.546.248
Lãi trên cổ phiếu		30		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		201	1.401

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.845.616.749	10.163.837.325
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.576.827.504	5.181.378.659
Các khoản dự phòng	03		(480.891.299)	(496.528.209)
Lỗi từ thanh lý công ty con	05		1.180.402.339	-
Lãi từ các hoạt động đầu tư khác	05		(157.074.516)	(148.632.201)
Chi phí lãi vay	06		2.657.593.836	6.099.275.166
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.622.474.613	20.799.330.740
Biến động các khoản phải thu	09		(7.500.295.660)	7.171.953.591
Biến động hàng tồn kho	10		27.569.341.180	12.018.027.574
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.384.081.739	5.066.278.446
Biến động chi phí trả trước	12		(553.250.206)	972.806.972
			30.522.351.666	46.028.397.323
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.657.593.836)	(6.099.275.166)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(7.747.152.159)	(785.942.779)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(815.147.723)	(5.872.232.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.302.457.948	33.270.947.073
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(153.762.024)	(363.569.546)
Tiền thu từ thanh lý công ty con	24		4.074.947.966	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		157.074.516	148.632.201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.078.260.458	(214.937.345)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		115.963.504.265	91.433.698.139
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(132.253.142.767)	(111.334.259.241)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.789.638.502)	(29.900.561.102)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(408.920.096)	3.155.448.626
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		8.717.100.540	6.672.949.401
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	8.308.180.444	9.828.398.027

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất của chủ sở hữu, người sử dụng đất hoặc người thuê đất;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp và xuất khẩu các mặt hàng thủy, hải sản, súc sản đông lạnh và các thực phẩm khác;
- Nhập khẩu các thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất các mặt hàng của Công ty;
- Sản xuất dầu gan cá và các chế phẩm nang mềm;
- Sản xuất các chế phẩm từ tảo biển: Agar – Alginate; và
- Kinh doanh xăng, dầu, khí đốt và khí hóa lỏng.

Chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	30/6/2013		31/12/2012	
		Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu đăng ký	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long - Đà Nẵng	Sản xuất và chế biến các mặt hàng thủy sản và thực phẩm khác;	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Đồ hộp Hạ Long	Sản xuất, chế biến và kinh doanh: đồ hộp, các mặt hàng thủy sản và thực phẩm khác;	-	-	100%	100%

Các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn có 764 nhân viên (31/12/2012: 886 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 4 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao không được tính đối với quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Ngoại trừ dự phòng trợ cấp thôi việc được trình bày dưới đây, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm làm việc của nhân viên, mức lương hiện tại của họ và tỷ lệ nhân viên xin thôi việc ước tính dựa trên dữ liệu thống kê quá khứ và các biến số kinh tế khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 quy định rằng, khi lập báo cáo tài chính cho 2012, nếu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp (tài khoản 351 – Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm) còn số dư, doanh nghiệp phải hoàn nhập số dư này vào tài khoản thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư này sang năm sau. Ban Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng đối với dự phòng trợ cấp thôi việc. Do đó, Tập đoàn đã hoàn nhập số dư của dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc nữa. Thay đổi về chính sách kế toán này đã được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán về trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và Chuẩn mực kế toán số 18 – Các khoản dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ lần lượt giảm 562.889.700 VND và tăng 422.167.275 VND, nợ phải trả dài hạn và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ lần lượt tăng 2.277.497.250 VND và giảm 1.708.122.937 VND (trừ ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 569.374.313 VND).

(I) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý, là Việt Nam. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các tổ chức và các cá nhân có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp tới Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt, các thành viên mật thiết trong gia đình của những người này và các công ty con và các công ty liên kết của các tổ chức và cá nhân này.

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp		Kinh doanh thực phẩm		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	148.730.606.537	164.280.845.503	168.732.172.490	157.546.830.093	-	-	317.462.779.027	321.827.675.596
Doanh thu giữa các bộ phận	15.796.322.926	5.705.191.225	10.215.687.770	19.172.071.017	(26.012.010.696)	(24.877.262.242)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	164.526.929.463	169.986.036.728	178.947.860.260	176.718.901.110	(26.012.010.696)	(24.877.262.242)	317.462.779.027	321.827.675.596
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.859.841.088	9.412.786.491	534.262.860	828.658.834	(1.180.402.339)	-	1.213.701.609	10.241.445.325
Thu nhập khác	942.152.941	4.993.457.519	-	176.432.211	(200.781.933)	(4.706.848.880)	741.371.008	463.040.850
Chi phí khác	(310.237.801)	(5.247.497.730)	-	-	200.781.933	4.706.848.880	(109.455.868)	(540.648.850)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(705.707.320)	(2.910.018.316)	(133.565.715)	(251.272.761)	-	-	(839.273.035)	(3.161.291.077)
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.786.048.908	6.248.727.964	400.697.145	753.818.284	(1.180.402.339)	-	1.006.343.714	7.002.546.248



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒ HỘP HẠ LONG

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Sản xuất thực phẩm đóng hộp 30/6/2013 VND	Kinh doanh thực phẩm 31/12/2012 VND	Loại trừ 30/6/2013 VND	31/12/2012 VND	Hợp nhất 30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản của bộ phận	157.981.527.134	177.617.319.860	-	85.670.738.029	(19.608.630.205)	(34.894.210.816)
					138.372.896.929	228.393.847.073
Tổng tài sản	157.981.527.134	177.617.319.860	-	85.670.738.029	(19.608.630.205)	(34.894.210.816)
					138.372.896.929	228.393.847.073
Nợ phải trả của bộ phận	54.436.957.311	67.775.796.309	-	76.879.376.271	(11.089.362.197)	(18.374.942.808)
					43.347.595.114	126.280.229.772
Tổng nợ phải trả	54.436.957.311	67.775.796.309	-	76.879.376.271	(11.089.362.197)	(18.374.942.808)
					43.347.595.114	126.280.229.772
Chi phí vốn	153.762.024	363.569.546	-	-	-	153.762.024
						363.569.546
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.206.096.504	4.592.462.659	370.731.000	588.916.000	-	-
					4.576.827.504	5.181.378.659

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

5. Thanh lý công ty con

Ngày 6 tháng 5 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao 100% lợi ích tại Công ty TNHH Một thành viên Đồ hộp Hạ Long cho một cá nhân.

Giao dịch thanh lý Công ty TNHH Một thành viên Đồ hộp Hạ Long có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm thanh lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.925.052.034
Các khoản phải thu – ngắn hạn (thuần)	29.312.762.124
Hàng tồn kho (thuần)	33.291.686.711
Tài sản ngắn hạn khác	644.283.718
Tài sản cố định hữu hình	2.905.328.000
Nợ ngắn hạn	(47.879.664.061)
Nợ phải trả ngắn hạn (ngoại trừ vay ngắn hạn)	(13.019.046.187)
Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	9.180.402.339
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả thuần của công ty con tại ngày thanh lý	9.180.402.339
Lỗ từ việc thanh lý công ty con	(1.180.402.339)
Tiền thu từ thanh lý công ty con	8.000.000.000
Khoản tiền mất đi do thanh lý	(3.925.052.034)
Khoản tiền thu được thuần	4.074.947.966

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.502.457.354	1.055.200.702
Tiền gửi ngân hàng	6.805.723.090	7.661.899.838
	8.308.180.444	8.717.100.540

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu người lao động	120.690.006	108.256.436
Phải thu từ các cá nhân	5.458.254.250	6.475.104.250
Phải thu khác	1.718.964.194	474.319.790
	7.297.908.450	7.057.680.476

8. Hàng tồn kho

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	26.682.184.937	29.880.946.806
Công cụ, dụng cụ	82.036.201	75.746.429
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.270.868.590	6.073.233.198
Thành phẩm	23.011.621.629	25.874.934.796
Hàng hóa	-	52.241.614.908
Hàng gửi đi bán	93.873.779	-
	53.140.585.136	114.146.476.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(989.590.273)	(1.603.174.608)
	52.150.994.863	112.543.301.529

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.603.174.608	714.117.571
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	1.436.132.849
Hoàn nhập	(468.721.225)	(547.075.812)
Thanh lý công ty con	(144.863.110)	-
Số dư cuối kỳ/năm	989.590.273	1.603.174.608

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	57.344.099.916	66.740.562.520	9.327.193.557	2.319.847.463	135.731.703.456
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(412.372.788)	(1.628.032.869)	(95.080.036)	(34.682.175)	(2.170.167.868)
Thanh lý công ty con	(5.636.460.862)	(769.230.288)	(2.102.777.888)	(45.277.582)	(8.553.746.620)
Xóa sổ	(398.846.269)	(3.846.262.642)	(259.718.909)	-	(4.504.827.820)
Số dư cuối kỳ	50.896.419.997	60.497.036.721	6.869.616.724	2.239.887.706	120.502.961.148
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.060.244.458	48.842.668.773	6.869.966.336	1.168.190.849	82.941.070.416
Khấu hao trong kỳ	2.641.705.336	1.062.255.642	662.047.510	210.819.016	4.576.827.504
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(391.722.258)	(1.433.801.970)	(95.080.036)	(34.682.175)	(1.955.286.439)
Thanh lý công ty con	(3.114.764.862)	(675.824.288)	(1.812.551.888)	(45.277.582)	(5.648.418.620)
Xóa sổ	(398.846.269)	(3.846.262.642)	(259.718.909)	-	(4.504.827.820)
Số dư cuối kỳ	24.796.616.405	43.949.035.515	5.364.663.013	1.299.050.108	75.409.365.041
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	31.283.855.458	17.897.893.747	2.457.227.221	1.151.656.614	52.790.633.040
Số dư cuối kỳ	26.099.803.592	16.548.001.206	1.504.953.711	940.837.598	45.093.596.107

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 47.134 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 50.513 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (*) Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được áp dụng cho năm 2013. Trong kỳ, Tập đoàn đã phân loại lại các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn. Các tài sản cố định này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.408 triệu VND (31/12/2012: 16.851 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 0 triệu VND (31/12/2012: 11.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.423.007.044	1.398.461.590
Tăng trong kỳ/năm	153.762.024	24.545.454
Số dư cuối kỳ/năm	1.576.769.068	1.423.007.044

Xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện cơ sở hạ tầng được phát triển với mục đích cho thuê trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn:				
• Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	4.740	303.300.000	4.740	303.300.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội	96.701	3.142.610.000	96.701	3.142.610.000
• Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	51.935	2.506.170.000	51.935	2.506.170.000
	153.376	5.952.080.000	153.376	5.952.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(4.100.552.300)		(4.181.392.000)
		1.851.527.700		1.770.688.000

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	Ngắn hạn	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	4.181.392.000	4.423.025.200
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	-
Hoàn nhập	(80.839.700)	(241.633.200)
Số dư cuối kỳ/năm	4.100.552.300	4.181.392.000

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	5.815.700.488	1.279.454.107	6.426.281.992	1.606.570.498

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Lỗ tính thuế là lỗ tính thuế của Công ty TNHH MTV Đồ hộp Hạ Long – Đà Nẵng, và hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	1.401.221.972
2017	Chưa quyết toán	4.414.478.516
		5.815.700.488

Dựa trên các quy định thuế hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Từ ngày 1 tháng 4 năm 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con được giảm từ 25% xuống 22 % và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, giảm xuống 20% do các thay đổi trong Luật Thuế Thu nhập. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên thuế suất 22%.

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	53.093.507	61.440.480.069
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	2.164.162.534	2.174.078.535
	2.217.256.041	63.614.558.604

Khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo và chịu lãi suất 12%/năm.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.353.098.377	5.216.378.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp	639.650.247	7.547.529.371
Thuế thu nhập cá nhân	387.034.589	101.573.462
Thuế nhà đất	699.752.687	1.693.732.000
	7.079.535.900	14.559.213.550

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

16. Chi phí phải trả

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả chi phí tiếp thị và quảng cáo	5.180.347.147	2.130.531.021
Phải trả chi phí điện, nước và tiện ích khác	2.064.733.442	3.983.458.954
	7.245.080.589	6.113.989.975

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	295.990.741	340.441.582
Bảo hiểm xã hội	285.431.039	204.921.170
Bảo hiểm y tế	178.161.020	204.076.940
Bảo hiểm thất nghiệp	138.327.055	152.108.168
Các khoản phải trả, phải nộp khác	304.572.097	2.240.684.221
	1.202.481.952	3.142.232.081

18. Các khoản dự phòng

Khoản tiền 5.458.254.250 phản ánh khoản dự phòng thuế Giá trị Gia tăng phải trả Nhà nước theo bản án phúc thẩm số 03/HSPT ngày 12 và 13 tháng 1 năm 2005. Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả khoản thuế này cho Ngân sách Nhà nước khi thu được từ các cá nhân. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn vẫn không có khả năng thu được khoản này từ các cá nhân.

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	3.020.331.757	850.507.491
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 21)	531.173.549	7.973.047.990
Sử dụng trong kỳ/năm	(751.662.072)	(5.803.223.724)
Thanh lý công ty con	(311.636.891)	-
	2.488.206.343	3.020.331.757

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

20. Vay dài hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	2.164.162.534	4.946.078.535
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(2.164.162.534)	(2.174.078.535)
Hoàn trả sau 12 tháng	-	2.772.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina (“Indovinabank”)					
Hợp đồng tín dụng số 94MT/IVB HP-CR/2009	VND	18%	2014	-	1.700.000.000
Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)					
Hợp đồng tín dụng số 01.28.2009/HDTD	VND	3.7%	2014	2.164.162.534	3.246.078.535
				2.164.162.534	4.946.078.535

Các khoản vay từ Indovinabank đã được trả hết trong kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là: 11.200 triệu VND (Thuyết minh 10).

Các khoản vay ngân hàng BIDV được đảm bảo bằng các tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 13.408 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 13.408 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	50.000.000.000	15.753.387.350	8.257.797.310	8.968.098.035	26.786.385.116	109.765.667.811
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	10.756.089.086	10.756.089.086
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.398.464.495	1.786.464.495	(5.184.928.990)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.973.047.990)	(7.973.047.990)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(354.760.000)	(80.331.606)	-	(435.091.606)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	11.301.501.805	10.674.230.924	14.384.497.222	102.113.617.301
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.006.343.714	1.006.343.714
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.075.608.908	537.804.454	(1.613.413.362)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(531.173.549)	(531.173.549)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(12.198.182)	(8.287.469)	(43.000.000)	(63.485.651)
Thanh lý công ty con	-	-	(132.249.275)	(345.101.884)	477.351.159	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	50.000.000.000	15.753.387.350	12.232.663.256	10.858.646.025	6.180.605.184	95.025.301.815

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Cổ tức

Các cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7.500 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu).

Trong năm trước, các cổ đông của Công ty vào ngày 27 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 10.000 triệu VND (2.000 VND/cổ phiếu).

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con hàng năm đã phân bổ từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ Đầu tư và Phát triển và Quỹ Dự phòng Tài chính thuộc vốn chủ sở hữu căn cứ trên các quyết định phù hợp.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

25. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	317.508.541.954	322.539.990.277
▪ Doanh thu cho thuê	860.961.461	363.287.274
	318.369.503.415	322.903.277.551
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	656.121.532	941.811.617
▪ Giảm giá hàng bán	-	543.500
▪ Hàng bán bị trả lại	250.602.856	133.246.838
	906.724.388	1.075.601.955
Doanh thu thuần	317.462.779.027	321.827.675.596

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Thành phẩm đã bán	259.862.475.866	260.852.513.559
▪ Giá vốn cho thuê	153.236.022	306.472.041
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(468.721.225)	(451.723.225)
	259.546.990.663	260.707.262.375

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	125.884.316	100.281.701
Cổ tức được chia	31.190.200	48.350.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	977.174	28.981.434
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.203	145.263
	158.055.893	177.758.898

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	2.657.593.836	6.099.275.166
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(80.839.700)	(396.103.200)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.346.041	6.987.750
Lỗ thanh lý công ty con	1.180.402.339	-
Chi phí tài chính khác	183.529.328	73.253.380
	3.953.031.844	5.783.413.096

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành	839.273.035	3.161.291.077
Năm hiện hành	839.273.035	3.161.291.077

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.845.616.749	10.163.837.325
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	461.404.187	2.540.959.331
Chi phí không được khấu trừ thuế	538.311.774	312.036.876
Thu nhập không bị tính thuế	(7.797.550)	(12.087.625)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	320.382.495
Lỗ tính thuế được sử dụng	(152.645.376)	-
	839.273.035	3.161.291.077

Sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Cục Thuế Hải Phòng đã phát hành biên bản thanh tra thuế ngày 8 tháng 7 năm 2013 đến Công ty, yêu cầu Công ty nộp thuế bổ sung cho các năm từ 2010 đến 2012 là 614.785.237 VND và khoản tiền phạt là 186.383.832 VND. Số tiền này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(c) Thuế suất áp dụng

Dựa trên các quy định thuế hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được giảm từ 25% xuống 22 % và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, giảm xuống 20% do các thay đổi trong Luật Thuế Thu nhập.

30. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.006.343.714 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012: 7.002.546.248 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 5.000.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 5.000.000 cổ phiếu).

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Kiểm soát của Tập đoàn có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Kiểm soát có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền được gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	6.805.723.090	7.661.899.838
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	12.882.111.858	34.569.448.421
		19.687.834.948	42.231.348.259

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các Tập đoàn có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	633.383.975	1.138.547.388
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	6.929.239	251.800.256
Quá hạn trên 180 ngày	26.845.535	5.677.295
	667.158.749	1.396.024.939

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ/năm	6.838.027.093	6.815.718.554
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	68.669.626	50.308.539
Hoàn nhập	-	(28.000.000)
Thanh lý công ty con	(168.647.267)	-
Số dư cuối kỳ/năm	6.738.049.452	6.838.027.093

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	15.167.295.914	15.167.295.914	14.896.010.199	271.285.715	-
Vay ngắn hạn	53.093.507	57.340.988	57.340.988	-	-
Vay dài hạn	2.164.162.534	2.204.377.421	2.204.377.421	-	-
	17.384.551.955	17.429.014.323	17.157.728.608	271.285.715	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	24.305.568.304	24.305.568.304	24.034.282.589	271.285.715	-
Vay ngắn hạn	61.440.480.069	64.473.260.852	64.473.260.852	-	-
Vay dài hạn	4.946.078.535	5.288.859.111	3.070.951.556	1.862.720.889	355.186.666
	90.692.126.908	94.067.688.267	91.578.494.997	2.134.006.604	355.186.666

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn, duy trì một số hạn mức tín dụng với các ngân hàng, và quản lý và duy trì vốn lưu động của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của các đơn vị của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.899	3.819

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.150	20.812

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	
USD (mạnh thêm 4% so với VND)	1.839.416
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	1.192.215

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Tập đoàn.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tất cả các khoản nợ dài hạn của Tập đoàn chịu lãi suất cố định. Lợi nhuận thuần của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng bởi tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

(iii) *Các rủi ro thị trường khác*

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tập đoàn nắm giữ. Ban Giám đốc của Tập đoàn theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc của Tập đoàn phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	1.851.527.700	1.851.527.700	1.770.688.000	1.770.688.000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	8.308.180.444	8.308.180.444	8.717.100.540	8.717.100.540
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	12.882.111.858	12.882.111.858	34.569.448.421	34.569.448.421
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(15.167.295.914)	(15.167.295.914)	(24.305.568.304)	(24.305.568.304)
- Vay ngắn hạn	(53.093.507)	(53.093.507)	(61.440.480.069)	(61.440.480.069)
- Vay dài hạn	(2.164.162.534)	(*)	(4.946.078.535)	(*)
	5.657.268.047	(*)	(45.634.889.947)	(*)

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng kỹ thuật định giá theo phương pháp giá thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn được xác định là giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

Tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Giá trị của tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý	9.180.402.339	-

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tập đoàn các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.227.992.374	1.374.846.100
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	864.856.464	954.000.001

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

34. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	1.152.214.001	2.215.674.864
Trong vòng hai đến năm năm	138.450.002	3.294.136.469
Sau năm năm	-	933.747.286
	1.290.664.003	6.443.558.619

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	235.040.639.601	229.079.136.648
Chi phí nhân công	33.151.569.374	26.661.400.589
Chi phí khấu hao	4.576.827.504	5.181.378.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.637.676.952	7.177.953.241
Chi phí khác	29.381.710.261	24.766.303.793

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Phạm Thị Thu Nga
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Wilson Cheah Hui Pin
Tổng Giám đốc